

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
TRƯỜNG KINH TẾ



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ NGÀNH: 8340101

Hà Nội - 2025



Số: 81 /QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành các bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
cho các ngành đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

*Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐT ngày 05/4/2023 của Hội đồng trường
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt
động của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-ĐHCN ngày 06/01/2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào
tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;*

*Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường ngày
13/01/2025 và ngày 14/01/2025 về việc Thông qua các chương trình đào tạo trình
độ thạc sĩ;*

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cho các ngành đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, bao gồm: Chương trình đào tạo, Đề cương chi tiết học phần, Hướng dẫn tổ chức dạy - học và Bản mô tả chương trình đào tạo (*Danh sách và nội dung bộ chương trình đào tạo kèm theo*).

Điều 2. Các bộ chương trình đào tạo này được áp dụng đào tạo trình độ thạc sĩ cho các khoá tuyển sinh từ năm 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học, Trưởng các phòng: Tổ chức Nhân sự, Hành chính tổng hợp, Tài chính – Kế toán; Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, SĐH.

HIỆU TRƯỞNG



Kiều Xuân Thực

DANH SÁCH

Ban hành các bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-ĐHCN ngày 15/01/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Stt	Tên ngành đào tạo	Mã ngành	Đơn vị quản lý chuyên môn	Ghi chú
1.	Kỹ thuật cơ khí	8520103	Trường Cơ khí – Ô tô	
2.	Kỹ thuật cơ điện tử	8520114	Trường Cơ khí – Ô tô	
3.	Kỹ thuật cơ khí động lực	8520116	Trường Cơ khí – Ô tô	
4.	Kỹ thuật hóa học	8520301	Khoa Công nghệ Hóa	
5.	Kỹ thuật điện tử	8520203	Trường Điện – Điện tử	
6.	Kỹ thuật điện	8520201	Trường Điện – Điện tử	
7.	Kế toán	8340301	Trường Kinh tế	
8.	Quản trị kinh doanh	8340101	Trường Kinh tế	
9.	Hệ thống thông tin	8480104	Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông	
10.	Ngôn ngữ Anh	8220201	Trường Ngoại ngữ - Du lịch	
11.	Công nghệ dệt, may	8540204	Khoa CN May và TKTT	
12.	Ngôn ngữ Trung Quốc	8220204	Trường Ngoại ngữ - Du lịch	

Tổng số: 12 bộ chương trình đào tạo./:✓

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	1
2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	1
2.1.1. Tầm nhìn.....	1
2.1.2. Sứ mạng.....	2
2.1.3. Mục tiêu chiến lược.....	2
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Trường Kinh tế	3
2.2.1 Tầm nhìn.....	3
2.2.2 Sứ mạng.....	3
2.2.3 Quan điểm phát triển	3
2.3. Mục tiêu của chương trình	3
2.3.1. Mục tiêu chung	3
2.3.2. Mục tiêu cụ thể	4
3. CHUẨN ĐẦU RA.....	4
4. CƠ HỘI VIỆC LÀM	5
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	6
5.1. Thông tin tuyển sinh.....	6
5.2. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp	7
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY.....	8
7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	12
7.1. Chuẩn bị của giảng viên	13
7.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học	13
7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học	14
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	14
8.1. Quy trình đánh giá.....	14
8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá.....	15
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	15
9.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa	15

9.2. Nội dung chương trình	16
9.3. Sơ đồ tiến trình đào tạo và phát triển kỹ năng.....	17
9.4. Ma trận chuẩn đầu ra – học phần	21
9.5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần.....	23
9.5.1. Triết học	23
9.5.2. Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao.....	23
9.5.4. Kinh tế học cho nhà quản lý	24
9.5.5. Pháp luật trong kinh doanh.....	24
9.5.6. Phát triển cơ hội kinh doanh.....	24
9.5.7. Thị trường tài chính và định chế tài chính	25
9.5.8. Tinh thần doanh nhân	25
9.5.9. Quản lý thông tin và tri thức	25
9.5.10. Văn hóa và đạo đức quản lý	26
9.5.11. Tài chính doanh nghiệp nâng cao.....	26
9.5.12. Quản trị nhân lực nâng cao.....	26
9.5.13. Marketing cho nhà quản lý.....	27
9.5.14. Quản trị đổi mới sáng tạo	27
9.5.15. Quản trị chiến lược nâng cao.....	27
9.5.16. Quản trị vận hành	28
9.5.17. Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty	28
9.5.18. Quản lý dự án nâng cao	29
9.5.19. Quản trị thương hiệu	29
9.5.20. Kỹ năng lãnh đạo và đổi mới	29
9.5.21. Kỹ năng giải quyết khủng hoảng.....	30
9.5.22. Chiến lược kinh doanh quốc tế.....	30
9.5.23. Thực tập.....	30
9.5.24. Đề án tốt nghiệp	31
10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	31
11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	45
PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	46

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 5.1: Danh mục ngành phù hợp.....	6
Bảng 5.2: Danh mục các học phần học bổ sung	7
Bảng 6.1. Thống kê đội ngũ giảng viên tham gia CTĐT Thạc sĩ ngành QTKD của Trường Kinh tế năm 2024	8
Bảng 6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện CTĐT	9
Bảng 6.3 Danh sách các phòng thực hành/thí nghiệm phục vụ các học phần của chương trình đào tạo.....	11
Bảng 7.1 Chiến lược và phát triển giảng dạy	13
Bảng 9.1: Tổng số tín chỉ của CTĐT	15
Bảng 9.2 Cấu trúc Chương trình đào tạo	16
Bảng 9.3. Sơ đồ tiến trình đào tạo và phát triển kỹ năng.....	18
Bảng 9.4: Lộ trình phát triển kỹ năng theo hình thức vừa làm vừa học	19
Bảng 9.5: Ma trận chuẩn đầu ra	21
Bảng 10.1: Đối sánh các chương trình đào tạo	32

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của khoa QLKD.....	13
Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá Học viên.....	15

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt)	: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Tên chương trình (Tiếng Anh)	: Master of Business Administration
Tên ngành	: Quản trị kinh doanh
Mã ngành đào tạo	: 8340101
Trình độ đào tạo	: Thạc sĩ
Thời gian đào tạo	: 1,5 năm (2,0 năm)
Bằng tốt nghiệp	: Thạc sĩ
Loại hình đào tạo	: Chính quy (Vừa làm vừa học)
Định hướng đào tạo	: Ứng dụng
Đơn vị giảng dạy	: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Đơn vị cấp bằng	: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Đơn vị quản lý chương trình	: Trường Kinh tế

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Trường Kinh tế, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

2.1.1. Tầm nhìn

Trở thành đại học đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng đa năng, phát triển theo mô hình đại học thông minh; đạt chuẩn quốc tế trong một số lĩnh vực then chốt; là sự lựa chọn hàng đầu của người học, cộng đồng và doanh nghiệp.

2.1.2. Sức mạng

Đào tạo nhân lực chất lượng cao; sáng tạo và chuyển giao tri thức, công nghệ tới xã hội và cộng đồng đáp ứng yêu cầu thời kỳ cách mạng công nghiệp, phục vụ xã hội và đất nước.

2.1.3. Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu chung:

Trở thành đại học khoa học ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ toàn diện, đi đầu trong xu thế chuyển đổi số và quản trị thông minh. Sản phẩm giáo dục đào tạo nằm trong топ đầu Việt Nam về khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, được ghi nhận về năng lực sáng tạo và khởi nghiệp; Sản phẩm khoa học công nghệ được công nhận và ứng dụng rộng rãi trong nước, một số lĩnh vực đạt tầm khu vực và quốc tế.

Mục tiêu cụ thể từng lĩnh vực:

a. Đào tạo

Phát triển và vận hành các CTĐT đạt chuẩn quốc gia và quốc tế. Mở mới các chương trình đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Đổi mới phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng công nghệ giáo dục mới; Hình thành môi trường học tập mở, sáng tạo và trải nghiệm.

b. Khoa học công nghệ

Đổi mới nghiên cứu và sáng tạo theo hướng hội nhập và đa dạng các loại hình, lĩnh vực khoa học công nghệ; Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Triển khai có hiệu quả các hoạt động sở hữu trí tuệ và bảo hộ kết quả nghiên cứu. Gắn nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ và nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học. Nâng tỉ lệ doanh thu từ các hoạt động khoa học công nghệ trong tổng doanh thu toàn trường.

c. Hợp tác phát triển

Thiết lập mối quan hệ đa dạng, cùng có lợi với các trường đại học, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật quốc tế và tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm đào tạo và nghiên cứu. Khai thác có hiệu quả các nguồn lực thông qua các hoạt động hợp tác cùng phát triển.

d. Người học và kết nối cộng đồng

Phát triển năng lực toàn diện của người học thông qua việc hình thành môi trường học tập, sinh hoạt, rèn luyện mang tính mở, năng động và sáng tạo. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học. Mở rộng mạng lưới, khai thác có hiệu quả đóng góp từ đội ngũ cựu người học. Nâng cao vị thế và uy tín, ảnh hưởng của nhà

trường qua các hoạt động gắn kết và phục vụ cộng đồng.

e. Tài chính – cơ sở vật chất

Xây dựng hệ thống tài chính vững mạnh đảm bảo sự phát triển bền vững và tự chủ của nhà trường với nguồn thu đa dạng và ổn định; Khai thác và sử dụng nguồn tài chính hợp lý, hiệu quả. Hình thành cơ sở hạ tầng và môi trường giáo dục hiện đại, sáng tạo phù hợp với hệ sinh thái đại học thông minh; Đầu tư và khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học;

f. Quản trị nhà trường và nguồn nhân lực

Xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với cơ chế tự chủ toàn diện và mô hình đại học hiện đại; Thiết lập và vận hành hệ thống quản trị nhà trường tiên tiến đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; Phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng đáp ứng các yêu cầu. Hình thành đội ngũ giảng viên, chuyên gia làm chủ và bước đầu ở vị thế dẫn dắt trong một số lĩnh vực công nghệ hiện đại, có khả năng giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường quốc tế.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Trường Kinh tế

2.2.1 Tầm nhìn

Đến năm 2030, Trường Kinh tế sẽ là trường có uy tín về đào tạo kinh tế, kinh doanh và quản lý theo định hướng ứng dụng; Các chương trình đào tạo được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học có uy tín trên thế giới.

2.2.2 Sứ mạng

- Lan tỏa tri thức và các giá trị giáo dục toàn diện đến người học;
- Cung cấp nguồn nhân lực trình độ ĐH và SDH chất lượng cao, đáp ứng thị trường lao động;
- Đổi mới và sáng tạo tri thức trong đào tạo và nghiên cứu khoa học;
- Phục vụ cộng đồng.

2.2.3 Quan điểm phát triển

- Nhân lực là cốt lõi.
- Coi trọng chất lượng.
- Khuyến khích sự sáng tạo.
- Tôn trọng sự khác biệt.
- Phát triển bền vững

2.3. Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ Thạc sĩ được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.3.1. Mục tiêu chung

Chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh đào tạo người học có kiến thức quản

trị kinh doanh nâng cao trong các lĩnh vực như tài chính, nhân lực, marketing, kinh doanh toàn cầu, phân tích môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh. Học viên có thể vận dụng hiệu quả các kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng giao tiếp, phản biện; kỹ năng nghiên cứu, đổi mới nâng cao hiệu quả quản trị; có năng lực tư duy và điều hành hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa ... Học viên có phẩm chất của một nhà quản trị kinh doanh hiện đại; có khả năng chủ động và dẫn dắt chuyên môn, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân và thích nghi trong môi trường cạnh tranh cao.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

PEO 1: Có kiến thức liên ngành về kinh tế, xã hội, pháp luật trong kinh doanh. Có kiến thức quản trị kinh doanh nâng cao về điều hành, tài chính, nhân lực, marketing, đổi mới sáng tạo và chiến lược kinh doanh trong môi trường cạnh tranh.

Về kỹ năng:

PEO 2: Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá dữ liệu, thông tin trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; Có kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghiên cứu, đổi mới nâng cao hiệu quả quản trị trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Về mức tự chủ và trách nhiệm:

PEO 3: Có năng lực tự chủ, chủ động phát triển năng lực cá nhân, dẫn dắt và tự chịu trách nhiệm cá nhân về chuyên môn. Có tinh thần trách nhiệm cao, bản lĩnh, linh hoạt, sáng tạo, tôn trọng luật pháp.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Học viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh trình độ Thạc sĩ đạt được 06 chuẩn đầu ra như được mô tả tại Bảng 3.1 như sau:

Bảng 3.1. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình

Mã SO	Nội dung chuẩn đầu ra	Đối sánh với mục tiêu đào tạo cụ thể		
		PEO1	PEO2	PEO3
SO1	Phân tích được kiến thức liên ngành về kinh tế, xã hội, pháp luật vào lĩnh vực quản trị kinh doanh	X		

Mã SO	Nội dung chuẩn đầu ra	Đối sánh với mục tiêu đào tạo cụ thể		
		PEO1	PEO2	PEO3
SO2	Vận dụng được các kiến thức về điều hành, tài chính, nhân lực, marketing, đổi mới sáng tạo và chiến lược kinh doanh trong môi trường cạnh tranh.	X		
SO3	Phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá dữ liệu, thông tin trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.		X	
SO4	Vận dụng hiệu quả kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghiên cứu, đổi mới nâng cao hiệu quả quản trị trong bối cảnh hội nhập quốc tế.		X	
SO5	Hình thành năng lực tự chủ, chủ động phát triển năng lực cá nhân, dẫn dắt và tự chịu trách nhiệm cá nhân về chuyên môn.		X	
SO6	Có tinh thần trách nhiệm cao, bản lĩnh, linh hoạt, sáng tạo và tôn trọng pháp luật.			X

Chuẩn đầu ra đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển và đánh giá chương trình đào tạo. Các chỉ báo đánh giá của từng chuẩn đầu ra được dùng làm tham chiếu để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình.

4. CƠ HỘI VIỆC LÀM

Học viên tốt nghiệp CTĐT Thạc sĩ QTKD có thể đảm nhiệm và phát triển sự nghiệp với các vị trí việc làm phù hợp với chuyên ngành và trình độ đào tạo như:

- Chuyên gia hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các hoạt động liên quan tới lĩnh vực Quản trị kinh doanh; làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, công ty, các tổ chức kinh tế - xã hội từ Trung ương tới địa phương;
- Chuyên gia về phân tích và đánh giá các vấn đề quản trị trong các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế;
- Các nhà quản lý tại cơ quan quản lý nhà nước hay nhà quản trị các cấp tại các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế.
- Giảng viên tham gia giảng dạy, đào tạo thuộc lĩnh vực QTKD.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh:

Theo quy chế tuyển sinh thạc sĩ của Bộ GD&ĐT, quy chế tuyển sinh thạc sĩ của trường ĐHCNHN cập nhật tại <https://cps.hau.edu.vn/vn>.

- Đối tượng tuyển sinh:

- Đối với công dân Việt nam: Đối tượng tuyển sinh của CTĐT Thạc sĩ QTKD là các thí sinh đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đào tạo Thạc sĩ QTKD và đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo quy định.

- Đối với công dân nước ngoài: là các thí sinh đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đào tạo Thạc sĩ QTKD, đạt trình độ Tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo khung năng lực Tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà CTĐT được giảng dạy bằng Tiếng Việt và các yêu cầu khác đối với người nước ngoài học tại Việt Nam.

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành dự tuyển phải học bổ sung kiến thức trước khi xét tuyển theo danh sách được đề xuất bởi Hội đồng chuyên môn của ngành. Hiệu trưởng quyết định những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển dựa trên đề xuất của đơn vị đào tạo. Danh mục ngành phù hợp:

Bảng 5.1: Danh mục ngành phù hợp

TT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
1	Quản trị kinh doanh	7340101	
2	Marketing	7340115	Học bổ sung
3	Bất động sản	7340116	Học bổ sung
4	Kinh doanh quốc tế	7340120	Học bổ sung
5	Kinh doanh thương mại	7340121	Học bổ sung
6	Thương mại điện tử	7340122	Học bổ sung
7	Kinh doanh thời trang và dệt may	7340123	Học bổ sung
8	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Học bổ sung

9	Bảo hiểm	7340204	Học bổ sung
10	Công nghệ tài chính	7340205	Học bổ sung
11	Kế toán	7340301	Học bổ sung
12	Kiểm toán	7340302	Học bổ sung
13	Khoa học quản lý	7340401	Học bổ sung
14	Quản lý công	7340403	Học bổ sung
15	Quản trị nhân lực	7340404	Học bổ sung
16	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Học bổ sung
17	Quản trị văn phòng	7340406	Học bổ sung
18	Quan hệ lao động	7340408	Học bổ sung
19	Quản lý dự án	7340409	Học bổ sung
20	Quản lý công nghiệp	7510601	Học bổ sung
21	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Học bổ sung
22	Kinh tế đầu tư	7310101	Học bổ sung

Danh mục các học phần học bổ sung trước khi dự tuyển: Thực hiện theo thông báo tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Hội đồng chuyên môn của Đơn vị đào tạo xem xét đề nghị Trường đơn vị đào tạo đề xuất danh sách thí sinh học bổ sung (nếu cần thiết), Hiệu trưởng quyết định những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển.

Bảng 5.2: Danh mục các học phần học bổ sung

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Kinh tế học	3	
2	Quản trị học	3	
3	Quản trị sản xuất	2	
4	Quản trị nhân lực	2	
5	Quản trị marketing	2	
6	Quản trị tài chính	2	

- Phương thức tuyển sinh:

Phương thức tuyển sinh cho từng năm tuyển sinh do Trường quyết định, bao gồm xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

5.2. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp như sau:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục & Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Nhà trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Tại thời điểm 2024, trường Kinh tế bao gồm 04 Khoa: Khoa Tài chính, Khoa Quản trị; Khoa Kinh doanh số và, khoa Kế toán Kiểm toán. Hiện nay, Trường Kinh tế có 125 giảng viên, trong đó, đội ngũ tham gia giảng dạy và hướng dẫn học viên cao học gồm 26 cán bộ, giảng viên. Trong đó có 03 PGS (11,5%) và 23 Tiến sĩ (88,5%).

Bảng 6.1. Thống kê đội ngũ giảng viên tham gia CTĐT Thạc sĩ ngành QTKD của Trường Kinh tế năm 2024

Stt	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (ng)				
				Nam	Nữ	<30	30 – 40	41–50	51– 60	>60
1	Phó giáo sư	2	8,3	1	1	0	0	2	0	0
2	Tiến Sĩ	22	91,7	6	16	0	3	18	1	0
3	Thạc sĩ	0	0	-	-	-	-	-	-	-
4	Đại học	0	0	-	-	-	-	-	-	-
Tổng số		24	100	7	17	0	3	20	1	0

Bảng 6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện CTĐT

TT	Họ và tên, học hàm/học vị	Chuyên ngành	Phân loại (giảng viên cơ hữu/ thỉnh giảng)	Học phần	Nơi công tác
1.	PGS.TS Nguyễn Thị Hồng Nga	Kinh tế	Cơ hữu	Thực tập Đề án tốt nghiệp	Hiệu trưởng Trường Kinh tế
2.	PGS.TS Lê Ba Phong	QTKD	Cơ hữu	Quản trị đổi mới và sáng tạo Quản trị chiến lược nâng cao	Phó Hiệu trưởng trường Ngoại ngữ-Du lịch
3.	TS. Vũ Đình Khoa	Kinh tế phát triển	Cơ hữu	Quản lý dự án nâng cao; Thực tập; Kinh tế học cho nhà quản lý	P.Hiệu trưởng Trường Kinh tế
4.	TS. Đỗ Hải Hưng	Kinh tế	Cơ hữu	Quản lý dự án nâng cao; Quản trị đổi mới và sáng tạo; Quản trị nhân lực nâng cao; Thực tập; Đề án tốt nghiệp	Trưởng khoa Quản trị
5.	TS. Nguyễn Thị Trang Nhung	QTKD	Cơ hữu	Quản trị chiến lược nâng cao; Chiến lược kinh doanh quốc tế; Quản trị vận hành	Phó trưởng khoa Quản trị
6.	TS. Bùi Thị Thu Loan	TCNH	Cơ hữu	Phương pháp NCKH nâng cao; Tài chính doanh nghiệp nâng cao; Tinh thần doanh nhân	Trưởng khoa Tài chính
7.	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	TCNH	Cơ hữu	Phương pháp NCKH nâng cao; Tài chính doanh nghiệp nâng cao; Thị trường tài chính và định chế tài chính	Phó trưởng khoa Tài chính
8.	TS. Ngô Văn Quang	QTKD	Cơ hữu	Marketing cho nhà quản lý; Chiến lược kinh doanh quốc tế;	Trưởng khoa Kinh doanh số

TT	Họ và tên, học hàm/học vị	Chuyên ngành	Phân loại (giảng viên cơ hữu/ thỉnh giảng)	Học phần	Nơi công tác
				Văn hóa và đạo đức quản lý	
9.	TS. Bùi Thị Phương Hoa	QTKD	Cơ hữu	Marketing cho nhà quản lý; Quản trị thương hiệu; Văn hóa và đạo đức quản lý	Khoa KDS Trường Kinh tế
10.	TS. Nguyễn Thị Nguyệt Dung	TCNH	Cơ hữu	Thị trường tài chính và định chế tài chính; Kỹ năng giải quyết khủng hoảng	Trường phòng tổng hợp
11.	TS. Nguyễn Thị Thanh Loan	KT	Cơ hữu	Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty	Trường khoa Kế toán kiểm toán
12.	TS. Hoàng Thị Hương	KTPT	Cơ hữu	Quản trị chiến lược nâng cao; Phát triển cơ hội kinh doanh; Chiến lược kinh doanh quốc tế	Khoa Quản trị - Trường Kinh tế
13.	TS. Nguyễn Thị Thúy	KTPT	Cơ hữu	Kinh tế học cho nhà quản lý; Quản lý thông tin và tri thức	Khoa Quản trị - Trường Kinh tế
14.	TS. Trần Cương	Kinh tế	Cơ hữu	Lý thuyết quản trị kinh doanh đương đại; Quản lý thông tin và tri thức	Khoa Quản trị - Trường Kinh tế
15.	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	QTKD	Cơ hữu	Lý thuyết quản trị kinh doanh đương đại; Quản trị vận hành; Quản lý thông tin và tri thức	Khoa Kinh doanh số - Trường Kinh tế
16.	TS. Nguyễn Anh Tuấn	QTKD	Cơ hữu	Kỹ năng lãnh đạo và đổi mới; Kỹ năng giải quyết khủng hoảng	Khoa Quản trị - Trường Kinh tế

TT	Họ và tên, học hàm/học vị	Chuyên ngành	Phân loại (giảng viên cơ hữu/ thỉnh giảng)	Học phần	Nơi công tác
17.	TS. Trần Ánh Phương	QTKD	Cơ hữu	Phát triển cơ hội kinh doanh; Quản trị nhân lực nâng cao	Phó phòng tổng hợp
18.	TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	TCNH	Cơ hữu	Thị trường tài chính và định chế tài chính; Tài chính doanh nghiệp nâng cao	Khoa Tài chính- Trường Kinh tế
19.	TS. Trương Thị Thùy Ninh	QTKD	Cơ hữu	Văn hóa và đạo đức quản lý; Tinh thần doanh nhân; Quản trị thương hiệu	Khoa Kinh doanh số- Trường Kinh tế
20.	TS. Vũ Thị Hồng Vân*	Luật học	Cơ hữu	Pháp luật trong kinh doanh	K. Lý luận chính trị - HaUI
21.	TS. Nguyễn Thị Bình*	Luật học	Cơ hữu	Pháp luật trong kinh doanh	K. Lý luận chính trị - HaUI
22.	TS. Phùng Danh Cường*	Triết học	Cơ hữu	Triết học	K. Lý luận chính trị - HaUI
23.	TS. Phạm Thị Thu Hương*	CNDV biện chứng và LS	Cơ hữu	Triết học	K. Lý luận chính trị - HaUI
24.	TS. Trần Thị Bích Huệ*	CNDV biện chứng và LS	Cơ hữu	Triết học	K. Lý luận chính trị - HaUI

(*) Giảng viên trường Đại học công nghiệp Hà Nội giảng dạy các học phần không thuộc quản lý của Trường Kinh tế

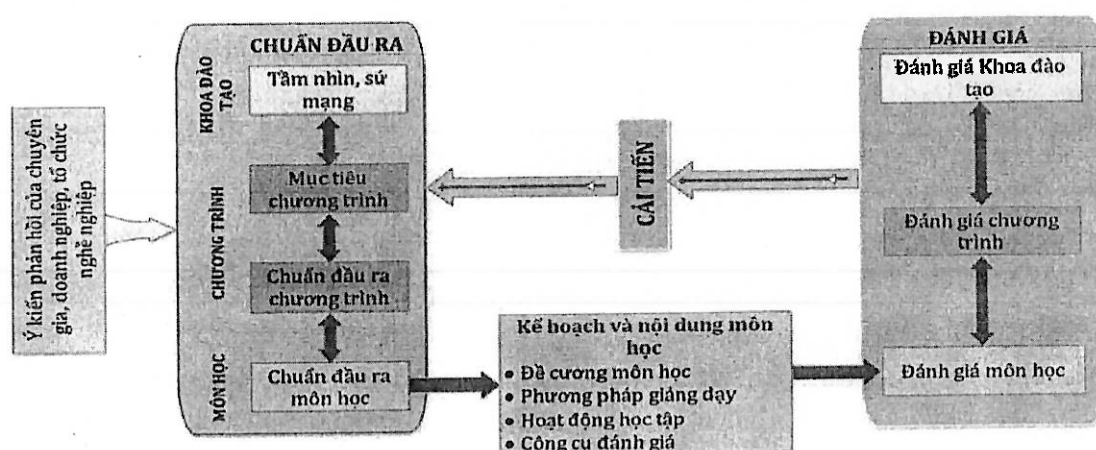
Cơ sở vật chất của trường Kinh tế phục vụ cho CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành QTKD được trang bị hệ thống máy tính, thiết bị đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu, thông tin cụ thể được thể hiện tại bảng 3.

Bảng 1.3 Danh sách các phòng thực hành/thí nghiệm phục vụ các học phần của chương trình đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu				
1.1	Phòng học, giảng đường	10	70	Các học phần có trong CTĐT	Máy chiếu, hệ thống âm thanh
1.2	Phòng thực hành	02	70	Các học phần có tín chỉ thực hành	Máy tính, máy chiếu (kết nối Internet)
1.3	Phòng mô phỏng doanh nghiệp	01	150	Các học phần có tín chỉ thực hành, tiểu luận	Máy tính, máy chiếu (kết nối Internet)
1.4	Phòng Lab	04	60	Phục vụ tra cứu, SHCM, soạn tài liệu giảng dạy cho các học phần	Máy tính, máy chiếu (kết nối Internet)
1.5	Studio ghi âm và ghi hình	02	20	Phục vụ xây dựng, biên soạn chương trình các môn học	Máy tính, máy chiếu, hệ thống âm, ghi âm, ghi hình
1.6	Phòng Hội thảo	05	60	Phục vụ Hội thảo, bảo vệ luận văn	Máy chiếu, hệ thống âm thanh (kết nối Internet)
1.7	Phòng nghiên cứu	01	30	Các học phần có trong CTĐT	Máy tính, máy in (kết nối Internet)
2	Thư viện, trung tâm học liệu	12 phòng đọc và 14 phòng chức năng	6.456	Các học phần có trong CTĐT	28.000 đầu sách, 38 đầu tạp chí, 6.562 tài liệu Ebook

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của CTĐT Thạc sỹ QTKD tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.



Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra

(Nguồn: Trường ĐHCN HN)

7.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy CTĐT ngành QTKD trình độ Thạc sĩ được trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin học phần mà mình đang giảng dạy (học phần có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc hay tự chọn);
- Nắm rõ hình thức, phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);
- Hiểu rõ lớp học phần (Danh sách học viên, lớp, khóa đào tạo);
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

7.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Các phương pháp dạy học được sử dụng chủ yếu: Thuyết giảng, Thảo luận, nghiên cứu tình huống, động não, kế hoạch nghiên cứu.
- Các chiến lược dạy học được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như Bảng 7.1.

Bảng 2.1 Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các môn học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thực tế doanh nghiệp	Mô phỏng; Thực địa
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các môn học của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch nghiên cứu

(Nguồn: Trường ĐHCN HN)

7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- CTĐT được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;

- Có nhiều hình thức hỗ trợ học viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người quản lý và quản trị hoạt động;

- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của học viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV;

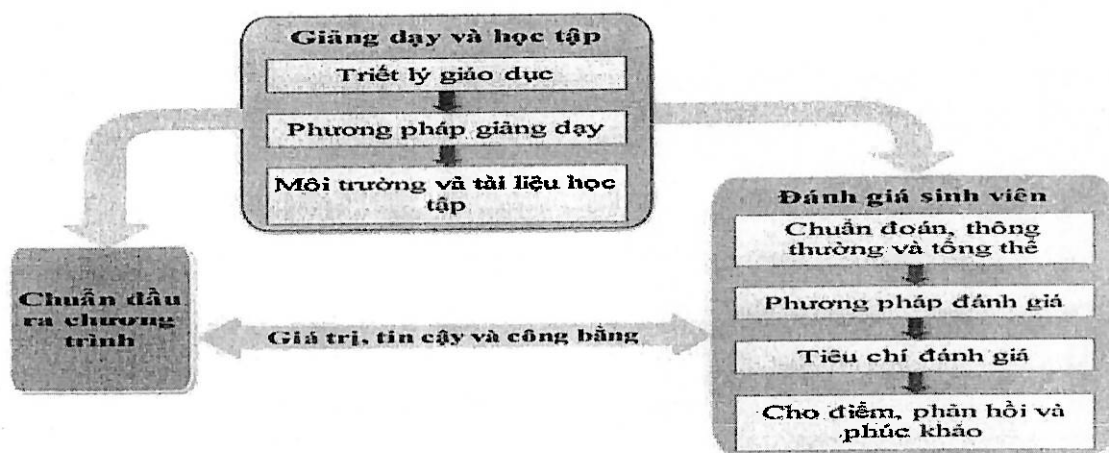
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

- Khuyến khích học viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, công bố khoa học nhằm nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá học viên dựa trên chuẩn đầu ra cấp học phần (Li,j), chuẩn đầu ra cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra cấp CTĐT i,j,k. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá học viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát Học viên về môn học giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, học viên được thực hiện theo quy trình (Hình 2).



Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá Học viên

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cấu trúc CTĐT đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. CTĐT bố trí các học phần từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời CTĐT cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung CTĐT bao gồm các khối kiến thức chung, cơ sở, chuyên ngành và tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc.

9.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy của CTĐT là 60 tín chỉ với các khối kiến thức như sau:

Bảng 9.1: Tổng số tín chỉ của CTĐT

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ				Tỷ lệ (%)
		LT	TH/TN	Thảo luận	ĐA/TT	
Kiến thức Giáo dục đại cương	6	5	1	0	0	10
Kiến thức Cơ sở ngành	12	11	0	0	1	20
Kiến thức Chuyên ngành	24	21	1	0	2	40
Kiến thức tốt nghiệp	18	0	0	0	18	30
Tổng cộng	60	37	2	0	21	100%

9.2. Nội dung chương trình

Bảng 3.2 Cấu trúc Chương trình đào tạo

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần				Học kỳ (CQ)	Học kỳ (VLVH)
	Phản chữ	Phản số			LT	TH/TN	Thảo luận	TT/ĐA		
6.1			Phần 1. Kiến thức chung	6	5	1	0	0		
1	LP	7301	Triết học	3	3	0	0	0	1	1
2	BM	7326	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	3	2	1	0	0	1	1
3			Ngoại ngữ*							
6.2			Phần 2. Kiến thức Cơ sở ngành	12	11	0	0	1		
6.2.1			Kiến thức bắt buộc	6	6	0	0	1		
1	BM	7303	Lý thuyết quản trị kinh doanh đương đại	3	3	0	0	0	1	1
2	BM	7302	Kinh tế học cho nhà quản lý	3	2	0	0	1	1	2
6.2.2			Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 06 tín chỉ)	6	6	0	0	0		
1	LP	7326	Pháp luật trong kinh doanh	3	3	0	0	0	2	2
2	BM	7304	Phát triển cơ hội kinh doanh	3	3	0	0	0	2	2
3	BM	7305	Thị trường tài chính và định chế tài chính	3	3	0	0	0	2	2
4	AA	7306	Tinh thần doanh nhân	3	3	0	0	0	2	2
5	BM	7307	Quản lý thông tin và tri thức	3	3	0	0	0	2	2

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần				Học kỳ (CQ)	Học kỳ (VLVH)
	Phần chữ	Phần số			LT	TH/TN	Thảo luận	TT/ĐA		
6	BM	7308	Văn hóa và đạo đức quản lý	3	3	0	0	0	2	2
6.3			Phần 3. Kiến thức Chuyên ngành	24	21	1	0	2		
6.3.1			Kiến thức bắt buộc	18	16	0	0	2		
1	BM	7030	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	3	0	0	0	1	1
2	BM	7309	Quản trị nhân lực nâng cao	3	2	0	0	1	2	3
3	BM	7310	Marketing cho nhà quản lý	3	2	0	0	1	2	3
4	BM	7327	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	3	0	0	0	2	3
5			Quản trị chiến lược nâng cao	3	3	0	0	0	2	3
6	BM	7312	Quản trị vận hành	3	3	0	0	0	2	3
6.3.2			Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 nhóm)	6	6	0	0	0		
6.3.2.1			Kiến thức tự chọn 3.1	6	6	0	0	0		
1	AA	7318	Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty	3	3	0	0	0	2	3
2	BM	7318	Quản lý dự án nâng cao	3	3	0	0	0	2	3
3	BM	7319	Quản trị thương hiệu	3	3	0	0	0	2	3
6.3.2.2			Kiến thức tự chọn 3.2	3	2	1	0	0		
1			Kỹ năng lãnh đạo và đổi mới	3	2	1	0	0	2	3
2			Kỹ năng giải quyết khủng hoảng	3	2	1	0	0	2	3
3			Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	2	1	0	0	2	3
6.4	BM	7324	Phần 4. Thực tập	9	0	0	0	9	3	4
6.5	BM	7325	Phần 5. Đề án tốt nghiệp	9	0	0	0	9	3	4
			Tổng cộng	60	36	3	0	21		

* Học phần Ngoại ngữ: Học viên tự học để đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương.

9.3. Sơ đồ tiến trình đào tạo và phát triển kỹ năng

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần				Học kỳ (CQ)	Học kỳ (VLVH)
	Phần chữ	Phần số			LT	TH/TN	Thảo luận	TT/ĐA		
6	BM	7308	Văn hóa và đạo đức quản lý	3	3	0	0	0	2	2
6.3			Phần 3. Kiến thức Chuyên ngành	24	21	1	0	2		
6.3.1			Kiến thức bắt buộc	18	16	0	0	2		
1	BM	7030	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	3	0	0	0	1	1
2	BM	7309	Quản trị nhân lực nâng cao	3	2	0	0	1	2	3
3	BM	7310	Marketing cho nhà quản lý	3	2	0	0	1	2	3
4	BM	7327	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	3	0	0	0	2	3
5	BM	7328	Quản trị chiến lược nâng cao	3	3	0	0	0	2	3
6	BM	7312	Quản trị vận hành	3	3	0	0	0	2	3
6.3.2			Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 nhóm)	6	6	0	0	0		
6.3.2.1			Kiến thức tự chọn 3.1	6	6	0	0	0		
1	AA	7318	Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty	3	3	0	0	0	2	3
2	BM	7318	Quản lý dự án nâng cao	3	3	0	0	0	2	3
3	BM	7319	Quản trị thương hiệu	3	3	0	0	0	2	3
6.3.2.2			Kiến thức tự chọn 3.2	3	2	1	0	0		
1	BM	7329	Kỹ năng lãnh đạo và đổi mới	3	2	1	0	0	2	3
2	BM	7330	Kỹ năng giải quyết khủng hoảng	3	2	1	0	0	2	3
3	BM	7331	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	2	1	0	0	2	3
6.4	BM	7324	Phần 4. Thực tập	9	0	0	0	9	3	4
6.5	BM	7325	Phần 5. Đề án tốt nghiệp	9	0	0	0	9	3	4
			Tổng cộng	60	36	3	0	21		

* Học phần Ngoại ngữ: Học viên tự học để đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương.

9.3. Sơ đồ tiến trình đào tạo và phát triển kỹ năng

CTĐT Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng được thiết kế trong 03 kỳ đối với hệ chính quy học theo kế hoạch giảng dạy và lộ trình phát triển kỹ năng như tiến trình được trình bày theo nội dung Bảng dưới đây.

Bảng 9.3. Sơ đồ tiến trình đào tạo và phát triển kỹ năng

Mã CDR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III
SO1	PI 1.1	LP7302 (T) BM7326 (T) → BM7303 (T)	BM7318 (T)	
	PI 1.2	LP7302 (T) BM7326 (T) BM7308 (T)		
SO2	PI 2.1	BM7305 (T) → BM7306 (T)	BM7309 (T) BM7310 (T) BM7030 (T) → BM7312 (T) AA7318 (T) BM7319 (T)	BM7324 (U) BM7325 (U)
	PI 2.2	BM7304 (T) → BM7307 (T)	BM7327 BM7328 → BM7329 BM7331	BM7324 (U) BM7325 (U)
SO3	PI 3.1	BM7326 (U) BM7304 (U)		BM7324 (U) BM7325 (U)
	PI 3.2	BM7326 (U) → BM7305 (U)	BM7330 (U) BM7318 (U) → BM7330 (T)	BM7325 (U)
SO4	PI 4.1	BM7302 (U) → BM7303 (U)	BM7310 (U) BM7327 (U) BM7328 (U) BM7312 (U) AA7318 (U) BM7318 (U)	
	PI 4.2	BM7306 (U) → BM7307 (U)	BM7309 (U) BM7319 (U) BM7329 (U) BM7331 (U)	
	PI 5.1	LP7302 (U) →	BM7307 (U) → BM7319 (U)	BM7324 (U)
SO5	PI 5.2	BM7303 (U) → BM7304 (U) → BM7307 (U) BM7030 (U)	BM7328 (U) BM7319 (U) → BM7329 (U) BM7330 (U)	BM7325 (U)
SO6	PI 6.1	LP7326 (U) → BM7305 (U) BM7308 (U)	AA7318 (U) BM7318 (U) → BM7329 (U) BM7330 (U)	BM7325 (U)
	PI 6.2	BM7302 (U)	BM7310 (U)	BM7344 (U)

Mã CDR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III
		BM7306 (U) →	BM7328 (U) BM7312 (U) → BM7331 (U)	

Chương trình đào tạo ngành QTKD trình độ thạc sĩ theo hình thức vừa học vừa làm được cấu trúc nội dung giảng dạy trong thời gian 02 năm gồm 4 kỳ học. Kế hoạch giảng dạy của các học phần tại mỗi kỳ và lộ trình phát triển kỹ năng như sau .:

Bảng 9.4: Lộ trình phát triển kỹ năng theo hình thức vừa làm vừa học

Mã CDR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV
SO1	PI 1.1	LP7302 (T) BM7326 (T) BM7303 (T)	→	BM7318 (T)	
	PI 1.2		BM7302(T) LP7326 (T) BM7308 (T)		
SO2	PI 2.1		BM7305 (T) BM7306 (T)	BM7309 (T) BM7310 (T) BM7030 (T) → BM7312 (T) AA7318 (T) BM7319 (T)	BM7324 (U) BM7325 (U)
	PI 2.2		BM7304 (T) → BM7307 (T)	BM7327 BM7328 → BM7329 BM7331	BM7324 (U) BM7325 (U)
SO3	PI 3.1	BM7326 (U) →	BM7304 (U)	→	BM7324 (U) BM7325 (U)
	PI 3.2	BM7326 (U) BM7305 (U)	BM7305 (U)	→	BM7030 (U) BM7318 (U) BM7310 (T)
SO4	PI 4.1	BM7302 (U) BM7303 (U)	BM7310 (U) BM7327 (U) BM7328 (U) → BM7312 (U) AA7318 (U) BM7318 (U)	BM7310 (U) BM7327 (U) BM7328 (U) BM7312 (U) AA7318 (U) BM7318 (U)	
	PI 4.2	→	BM7306 (U) → BM7307 (U)	BM7309 (U) BM7319 (U) BM7329 (U) BM7331 (U)	
SO5	PI 5.1		LP7302 (U) →	BM7307 (U) → BM7319 (U)	BM7324 (U)

Mã CDR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV
	PI 5.2	BM7303 (U)	→ BM7328 (U) BM7319 (U) BM7329 (U) → BM7030 (U) BM7304 (U) BM7304 (U) BM7307 (U) BM7030 (U) BM7307 (U) BM7030 (U)	BM7328(U) BM7319 (U) → BM7329 (U) BM7030 (U)	BM7325 (U)
SO6	PI 6.1	BM7326 (U) BM7305 (U) → BM7308 (U)	BM7 05 (U) → BM7 08 (U)	AA7318 (U) BM7318 (U) → BM7329 (U) BM7030 (U)	BM7325 (U)
	PI 6.2		BM7 02 (U) → BM7 06 (U)	BM7310 (U) BM7328 (U) → BM7312 (U) BM7331 (U)	BM7344 (U)

Bảng 9.5: Ma trận chuẩn đầu ra

21

9.5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

9.5.1. Triết học

Mã học phần: LP7301

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Triết học phương Đông, triết học phương Tây, tư tưởng triết học Việt Nam và những nội dung nâng cao của triết học Mác - Lênin; mối quan hệ giữa triết học với khoa học cũng như vai trò của khoa học và công nghệ đối với đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt là nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên cao học.

9.5.2. Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao

Mã học phần: BM7326

Số tín chỉ: 3(2;1;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức quy trình tổ chức nghiên cứu khoa học, như: phát hiện vấn đề, xây dựng khung lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu và các phương pháp tổ chức nghiên cứu trong kinh doanh. Từ đó, học viên hình thành kỹ năng nghiên cứu, vận dụng kiến thức để lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp, tổ chức thiết kế nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh dựa trên phương pháp thu thập, phân tích dữ liệu phù hợp và có hệ thống. Đồng thời, giúp học viên phát hiện vấn đề, giải pháp trong quản trị kinh doanh dựa trên dữ liệu thông tin quản trị.

9.5.3. Lý thuyết quản trị kinh doanh đương đại

Mã học phần: BM7302

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về các lý thuyết quản trị đang được sử dụng phổ biến trên trong nghiên cứu và ứng dụng như: Lý thuyết hành vi có kế hoạch, lý thuyết cam kết trong tổ chức, lý thuyết công bằng và lý thuyết nguồn lực. Nội dung các lý thuyết này là cơ sở nền tảng để nghiên cứu các học phần chuyên sâu và giải thích các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

9.5.4. Kinh tế học cho nhà quản lý

Mã học phần: BM7303

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần kinh tế học cho nhà quản lý giúp học viên hiểu rõ những nguyên lý, quy luật kinh tế và luận giải được mối quan hệ giữa lý thuyết kinh tế học (bao gồm: phân tích thị trường, chiến lược định giá, vai trò của chính phủ trong nền kinh tế, lý thuyết trò chơi, môi trường kinh doanh vĩ mô, phân tích thị trường mở) và khoa học ra quyết định trong phân tích việc ra quyết định quản lý. Học viên vận dụng lý thuyết kinh tế học và các kỹ thuật kinh tế lượng để phân tích các vấn đề về kinh tế học quản lý; phân tích việc ra quyết định kinh doanh. Đồng thời giúp học viên nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, quản lý và lãnh đạo một cách hiệu quả. Sau khi học xong, học viên có nhận thức đúng đắn hơn về việc ứng dụng lý thuyết vào thực tế, quá trình ra quyết định của nhà quản trị.

9.5.5. Pháp luật trong kinh doanh

Mã học phần: LP7326

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh, bao gồm: Pháp luật về chủ thể trong kinh doanh; Pháp luật về mua bán hàng hóa; Pháp luật về dịch vụ logistics; Pháp luật về dịch vụ trung gian thương mại; Pháp luật về xúc tiến thương mại; Pháp luật về đấu giá hàng hóa; Chế tài trong thương mại. Trên cơ sở giúp cho học viên vận dụng vào thực tiễn trong lĩnh vực kinh doanh. Đảm bảo yếu tố đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh.

9.5.6. Phát triển cơ hội kinh doanh

Mã học phần: BM7304

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về cơ hội kinh doanh, như: Đánh giá được cơ hội kinh doanh, phẩm chất để trở thành một nhà doanh nghiệp, kế hoạch kinh doanh ... Qua học phần này, học viên có khả năng phân tích, đánh giá được các vấn đề chủ yếu tác động đến kế hoạch kinh doanh, mức độ ảnh hưởng của các chính sách, môi trường

kinh doanh..., các chuẩn mực cần có đối với người làm kinh doanh. Học phần giúp học viên hình thành ý thức về trách nhiệm xã hội, nhận thức giá trị bản thân trong đánh giá cơ hội kinh doanh.

9.5.7. Thị trường tài chính và định chế tài chính

Mã học phần: BM7305

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên kiến thức về chủ thể, công cụ và cơ chế hoạt động của một số thị trường tài chính như thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu, thị trường ngoại hối; hoạt động và quản lý hoạt động của một số định chế tài chính như ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm... Qua đó, học viên có thể vận dụng lý thuyết để huy động và quản lý linh hoạt, hiệu quả các nguồn lực tài chính trong quản trị tài doanh nghiệp.

9.5.8. Tinh thần doanh nhân

Mã học phần: BM7306

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về tinh thần doanh nhân khởi nghiệp nhằm đánh giá nhận định được cơ hội và động lực kinh doanh. Phát triển các giải pháp trong lĩnh vực kinh doanh với ước mơ làm chủ doanh nghiệp và khả năng truyền cảm hứng cho người khác. Có niềm tin vào kế hoạch và chiến lược kinh doanh, với phương pháp phân tích cơ hội kinh doanh. Đồng thời học phần giúp người học nâng cao khả năng lan tỏa tư duy kinh doanh, có bản lĩnh, linh hoạt sáng tạo và tác phong làm việc chuyên nghiệp. Ngoài ra, học phần giúp người học có khả năng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc luôn luôn thay đổi và có tính cạnh tranh cao.

9.5.9. Quản lý thông tin và tri thức

Mã học phần: BM7307

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên kiến thức về thiết lập, phân tích và kiểm soát thông tin trong tổ chức; hệ thống và quy trình quản lý tri thức trong tổ chức; mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức và công nghệ thông tin trong quản lý tri thức. Học viên có khả năng phân

tích, đánh giá và kiểm soát các cơ sở dữ liệu thông tin trong tổ chức; Xây dựng văn hóa tổ chức và ứng dụng công nghệ thông tin theo định hướng tri thức. Qua đó, học viên nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động quản lý thông tin và tri thức trong tổ chức, không ngừng phát triển bản thân để thích nghi với môi trường làm việc thay đổi và có tính cạnh tranh cao.

9.5.10. Văn hóa và đạo đức quản lý

Mã học phần: BM7308

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về văn hóa và đạo đức trong quản lý kinh doanh trong tổ chức như vai trò của văn hóa và đạo đức quản lý, các thành phần của văn hóa và đạo đức kinh doanh, cách thức xây dựng văn hóa trong doanh nghiệp, các mô hình văn hóa doanh nghiệp điển hình, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Học phần cũng giúp học viên hiểu các phương pháp và công cụ phân tích đạo đức kinh doanh. Qua đó học viên hiểu rõ hơn về văn hóa và đạo đức từ đó có thái độ tích cực, những giải pháp, và cách thức ứng xử phù hợp bên trong và bên ngoài tổ chức.

9.5.11. Tài chính doanh nghiệp nâng cao

Mã học phần: BM7030

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cung cấp những kiến thức về các lý thuyết quản trị tài chính nâng cao, các chức năng, quy trình quản trị tài chính doanh nghiệp. Ngoài ra học phần còn cung cấp các kiến thức liên quan đến quản trị tài chính trong điều kiện rủi ro và trong bối cảnh hội nhập nhằm quản trị tốt nguồn lực và xây dựng mục tiêu quản trị nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh hướng đến phát triển bền vững. Từ đó, người học có khả năng tự chịu trách nhiệm chuyên môn và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.

9.5.12. Quản trị nhân lực nâng cao

Mã học phần: BM7309

Số tín chỉ: 3(2;0;0;1)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về quản trị nhân lực như thiết kế phân tích công việc, xây dựng và đánh giá hiệu quả công việc theo KPI và xây dựng hệ

thống trả lương 3P. Qua đó, học viên có thể xác định chính xác và vận dụng phù hợp các phương pháp đánh giá hiệu quả công việc nhằm thực hiện việc đãi ngộ tài chính phù hợp cho người lao động. Ngoài ra, học phần giúp người học nhận thức và có ý thức cải tiến nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá và đãi ngộ nhân lực trong tổ chức.

9.5.13. Marketing cho nhà quản lý

Mã học phần: BM7310

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về marketing cho nhà quản lý như tổng quan về hoạt động marketing trong doanh nghiệp, đo lường và tối ưu hoạt động marketing, cách thức xây dựng chiến lược tiếp cận và chiến lược marketing nhằm chinh phục khách hàng mục tiêu, chiến lược marketing cho khách hàng mục tiêu. Qua đó, học viên có thể xác định chính xác các công việc về marketing cần thực hiện trong doanh nghiệp, các kỹ thuật trong việc xây dựng chiến lược tiếp cận cũng như chiến lược marketing. Ngoài ra, học phần giúp người học nhận thức được vai trò của hoạt động marketing trong việc chinh phục khách hàng, vai trò của sự khác biệt hóa trong chiến lược marketing đối với thành công của doanh nghiệp.

9.5.14. Quản trị đổi mới sáng tạo

Mã học phần: BM7327

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bản chất của đổi mới sáng tạo, qui trình đổi mới sáng tạo và các kiến thức cần thiết để triển khai thành công quản trị đổi mới sáng tạo trong tổ chức ở cả cấp độ chiến lược và thực hiện. Từ đó, người học có thể vận dụng được các bước trong quá trình đổi mới sáng tạo nhằm phát hiện và phân tích các vấn đề, đưa ra ý tưởng thay đổi cải thiện hiệu quả hoạt động cũng như xây dựng văn hóa sáng tạo của tổ chức. Thông qua học phần này, người học hình thành năng lực tư duy đổi mới sáng tạo, nhận thức được quản trị đổi mới sáng tạo trở thành một vũ khí đặc biệt quan trọng và là một điều kiện cơ bản của năng lực cạnh tranh của tổ chức đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa.

9.5.15. Quản trị chiến lược nâng cao

Mã học phần: BM7328

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần Quản trị chiến lược nâng cao trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về các loại hình chiến lược, các bước của quy trình quản trị chiến lược. Từ đó, có thể phân tích và đánh giá được môi trường kinh doanh, xây dựng bản kế hoạch chiến lược kinh doanh phù hợp và khả thi cho doanh nghiệp, tổ chức thực hiện chiến lược và kiểm soát quá trình thực thi chiến lược của doanh nghiệp. Học phần này giúp người học có thái độ linh hoạt trong quá trình hoạch định và thực hiện chiến lược kinh doanh.

9.5.16. Quản trị vận hành

Mã học phần: BM7312

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về quản trị vận hành như huy động và quản lý hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu theo kế hoạch thông qua hoạt động dự báo, các quyết định về sản phẩm, dịch vụ, công suất, công nghệ và thiết bị. Phát hiện và giải quyết các vấn đề khó dự báo, đề xuất các giải pháp mới trong việc lựa chọn địa điểm và bố trí mặt bằng sản xuất. Định hướng và hướng dẫn người khác thực hiện các hoặc động về hoạch định nhu cầu vật tư và ứng dụng lý thuyết xếp hàng trong vận hành dịch vụ. Học phần còn góp phần giúp người học xác định chính xác và vận dụng phù hợp các kỹ thuật trong quản trị vận hành. Ngoài ra, học phần giúp người học có năng lực dẫn dắt chuyên môn trong quản trị kinh doanh.

9.5.17. Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty

Mã học phần: AA7318

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về kiểm soát nội bộ (KSNB) theo Báo cáo COSO, khuôn mẫu hệ thống KSNB, các hình thức gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận trong các lĩnh vực khác nhau như ngân hàng, công nghệ thông tin, quản trị rủi ro doanh nghiệp, KSNB cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị công ty phục vụ cho việc thiết lập, đánh giá và tư vấn về KSNB, quản trị rủi ro và quản trị công ty trong bối cảnh hội nhập. Từ đó, học viên có thể tổ chức và quản lý được các hoạt động liên quan đến kế toán, tài chính. Thực hiện được

tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán.

9.5.18. Quản lý dự án nâng cao

Mã học phần: BM7318

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về quản lý dự án như quá trình lập kế hoạch, theo dõi và kiểm soát các vấn đề trọng yếu, giúp dự án hoàn thành mục tiêu đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng và trong phạm vi ngân sách đã được duyệt. Học viên có thể xác định chính xác và vận dụng phù hợp các mô hình, các kỹ thuật trong quản lý dự án. Ngoài ra, học phần giúp người học nhận thức và dám chấp nhận rủi ro, có ý thức cải tiến nâng cao hiệu quả quản lý dự án.

9.5.19. Quản trị thương hiệu

Mã học phần: BM7319

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị những kiến thức nâng cao về thương hiệu: giá trị thương hiệu, bộ nhận diện thương hiệu, chiến lược phát triển thương hiệu và các bước của quy trình quản trị thương hiệu. Học viên có thể phân tích được cấu trúc thương hiệu của các doanh nghiệp, tham gia xây dựng được thương hiệu và nhận diện được các bước của quy trình quản trị thương hiệu của một doanh nghiệp cụ thể. Môn học giúp học viên có ý thức tôn trọng pháp luật trong các quyết định xây dựng thương hiệu, có ý thức giữ gìn và bảo vệ thương hiệu trong tổ chức.

9.5.20. Kỹ năng lãnh đạo và đổi mới

Mã học phần: BM7329

Số tín chỉ: 3(2;1;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần được thiết kế nhằm nâng cao năng lực của các nhà lãnh đạo trong việc phát huy tài năng và sức lực của cấp dưới hướng vào thực hiện mục tiêu của tổ chức, doanh nghiệp. Ngoài việc làm rõ các phương pháp và phong cách lãnh đạo, học phần giúp người học vận dụng được các quyền lực cơ sở, các phẩm chất trong hoạt động lãnh đạo và phát triển các kỹ năng lãnh đạo và đổi mới trong tổ chức, doanh nghiệp. Thêm vào đó, học phần giúp người học rèn luyện bản lĩnh tự tin, linh hoạt, sáng tạo và tác phong làm việc chuyên

nghiệp.

9.5.21. Kỹ năng giải quyết khủng hoảng

Mã học phần: BM7330

Số tín chỉ: 3(2;1;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên kiến thức về khủng hoảng và quy trình giải quyết khủng hoảng trong doanh nghiệp, giúp học viên nhận thức và phân tích được các loại khủng hoảng, các dấu hiệu nhận biết khủng hoảng. Ngoài ra, học phần giúp học viên nhận thức được vai trò của giải quyết khủng hoảng, có ý thức quản trị và phòng ngừa các loại khủng hoảng trong doanh nghiệp. Vận dụng kiến thức nhằm phát hiện loại khủng hoảng của doanh nghiệp cũng như cách thức quản lý và huy động nguồn lực nhằm giải quyết khủng hoảng. Từ đó giúp học viên hình thành kỹ năng giải quyết khủng hoảng. Hình thành bản lĩnh và sự linh hoạt trong xử lý khủng hoảng. Bên cạnh đó, học phần giúp học viên trau dồi, rèn luyện và hoàn thiện năng lực trong quản trị kinh doanh.

9.5.22. Chiến lược kinh doanh quốc tế

Mã học phần: BM7331

Số tín chỉ: 3(2;1;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về quản trị chiến lược kinh doanh trong bối cảnh quốc tế hóa từ hoạch định chiến lược quốc tế, tổ chức thực hiện chiến lược quốc tế và kiểm soát chiến lược kinh doanh quốc tế. Học phần cung cấp cho học viên những vấn đề mới trong bối cảnh quốc tế hóa để học viên có cái nhìn tổng quát hơn và có những định hướng chiến lược phù hợp. Ngoài ra, học phần giúp học viên nhận thức và dám chấp nhận rủi ro, có ý thức và thái độ đúng đắn trong thực hiện các chiến lược kinh doanh quốc tế như liên minh chiến lược quốc tế, sáp nhập, nhượng quyền và mua lại.

9.5.23. Thực tập

Mã học phần: BM7324

Số tín chỉ: (0;0;0;9)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần giúp học viên kiểm chứng và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong thực tiễn. Qua đó, học viên có thể hoàn thiện các năng lực của một quản trị kinh doanh cần thiết đối với các công việc cụ thể như có thể tổng hợp được bối cảnh kinh doanh của doanh

nghiệp; Nhận định, đánh giá được cơ hội kinh doanh; Xây dựng mục tiêu, quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Phát triển những giải pháp mới trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Thông qua quá trình thực tập, học việc cũng được rèn luyện và trở thành nhà quản trị biết ứng xử có trách nhiệm trong công việc và với cộng đồng.

9.5.24. Đề án tốt nghiệp

Mã học phần: BM7325

Số tín chỉ: (0;0;0;9)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần giúp học viên có thể phân tích hướng nghiên cứu và xác định được phương pháp nghiên cứu phù hợp; Lập kế hoạch triển khai công việc khoa học; Có khả năng vận dụng với các phương pháp tư duy sáng tạo và nghiên cứu khoa học, thực hiện tốt các phân tích chuyên môn và trình bày được một kết quả nghiên cứu khoa học rõ ràng với số liệu phân tích chính xác, có độ tin cậy; Đánh giá và giải thích được các kết quả, xác định tồn tại và biết cách đề xuất hướng giải quyết. Ngoài ra, học phần cũng giúp Học viên nâng cao trách nhiệm, tự chủ cao trong công việc; nghiêm túc trong công việc nghiên cứu, trung thực với các kết quả; tiếp tục học hỏi, tự nâng cao trình độ chuyên môn và định hướng nghiên cứu chuyên sâu.

10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CTĐT được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học khác cùng ngành làm cơ sở phát triển chương trình như Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng về khối kiến thức, số tín chỉ và học phần được triển khai theo Hướng dẫn số 20/HD-ĐHCN ngày 18/09/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNHN. Bên cạnh đó, CTĐT cũng được đối sánh với CTĐT nước ngoài là ĐH Boston, Mỹ. Cụ thể các nội dung đối sánh được thể hiện tại bảng 10.1 như sau:

Bảng 10.1: Đối sánh các chương trình đào tạo

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế quốc dân)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế (Boston University)	CTĐT hiện hành của đơn vị
1. Mục tiêu đào tạo				
- Mục tiêu chung	Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị doanh nghiệp định hướng nghiên cứu nhằm cung cấp cho người học kiến thức lý luận chuyên sâu, có hệ thống về các lĩnh vực cơ bản của quản trị doanh nghiệp; đào tạo các nhà nghiên cứu có tư duy, năng lực nghiên cứu độc lập và làm việc theo nhóm; có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới, phát triển nghiên cứu ở mức độ cao hơn và có thể tự bổ	Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh có kỹ năng thực hành quản trị chuyên nghiệp và hiệu quả. Học viên tốt nghiệp có thể trở thành các doanh nhân và nhà lãnh đạo doanh nghiệp với tầm nhìn và tri thức về quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu, có năng lực điều hành và tổ chức thực thi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	Trước xu thế kinh doanh đang ngày càng phát triển và thay đổi nhanh chóng, dữ liệu và phân tích đóng một vai trò thiết yếu. Chuyên ngành QTKD giúp người học tiếp cận mang tính định lượng hơn trong việc ra quyết định kinh doanh. Người học sẽ học cách lập mô hình các vấn đề kinh doanh trong tương lai và tiến hành phân tích dữ liệu để đưa ra quyết định bằng cách sử dụng bảng tính, cây quyết định, công cụ tối ưu hóa.... Chuyên ngành QTKD được thiết kế để giúp người học nắm vững phong cách quản lý chung	Chương trình thạc sĩ QTKD đào tạo người học có kiến thức quản trị kinh doanh nâng cao trong các lĩnh vực như tài chính, nhân lực, marketing, kinh doanh toàn cầu, phân tích môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh. Học viên có thể vận dụng hiệu quả các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, phân biện, kỹ năng nghiên cứu, đổi mới nâng cao hiệu quả quản trị, có năng lực tư duy và điều hành hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa...

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế quốc dân)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế (Boston University)	CTĐT hiện hành của đơn vị
	sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.		về mặt định lượng và chuẩn bị cho người học các kiến thức chuyên sâu về quản trị, các khía cạnh về tư vấn, công nghệ, tác động xã hội, tài chính, tinh thần doanh nhân.	Học viên có phẩm chất của một nhà quản trị kinh doanh hiện đại. Học viên có khả năng chủ động và dẫn dắt chuyên môn, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân và thích nghi trong môi trường cạnh tranh cao.
- Mục cụ thể		- Có tư duy chiến lược, có năng lực lãnh đạo và tinh thần doanh nhân. - Có năng lực hoạch định, ra quyết định và điều hành tổ chức một cách có đạo đức và trách nhiệm xã hội. - Linh hoạt và có khả năng học hỏi và thích nghi với sự thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu.		Về kiến thức: PEO 1: Có kiến thức mở rộng về kinh tế, xã hội, dữ liệu và thông tin quản lý, pháp luật trong kinh doanh. PEO 2: Có kiến thức quản trị kinh doanh nâng cao về điều hành, tài chính, nhân lực, marketing, kinh doanh toàn cầu và chiến lược kinh doanh trong môi trường cạnh tranh Về kỹ năng, thái độ PEO 3: Có kỹ năng lãnh đạo,

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế quốc dân)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế (Boston University)	CTĐT hiện hành của đơn vị
				kỹ năng giao tiếp, phản biện; kỹ năng nghiên cứu, đổi mới nâng cao hiệu quả quản trị PEO 4: Có tinh thần trách nhiệm cao, bản lĩnh, linh hoạt, sáng tạo, tôn trọng pháp luật. Về mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm: PEO 5: Có năng lực tự chủ, chủ động phát triển năng lực cá nhân, dẫn dắt và tự chịu trách nhiệm cá nhân về chuyên môn.
- Chuẩn đầu ra	PLO1.1: Nắm vững cơ sở lý luận và vận dụng được các vấn đề lịch sử triết học, triết học Mác – Lênin vào phân tích, đánh giá vấn đề thực tiễn đất nước, thực tiễn quản lý tổ chức, thực tiễn quản lý	PLO 1: Nhận diện cơ hội và phát triển chiến lược, mô hình kinh doanh thích ứng với môi trường kinh doanh PLO2: Lãnh đạo tổ chức thực hiện hiệu quả những mục tiêu của các bên hữu quan		SO1: Vận dụng được các nguyên lý, quy luật kinh tế, xã hội, lý luận chính trị và các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế quốc dân)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế (Boston University)	CTĐT hiện hành của đơn vị
	nhà nước đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới. PLO1.2: Nắm vững cơ sở lý luận và vận dụng được kiến thức nâng cao về khoa học kinh tế để giải thích, đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, các hoạt động kinh tế, thống kê và giải thích hành vi của tổ chức và cá nhân. PLO 1.3: Nắm vững, vận dụng được các chức năng cơ bản của quản trị một tổ chức (điều hành, sản xuất, tài chính, nhân sự, marketing...) Hiểu, nắm rõ nguyên lý hoạt động và phối hợp giữa các chức năng cơ bản, từ đó tích hợp trong công tác lãnh đạo	PLO3: Có tư duy phản biện: Người học có tư duy phân tích, đánh giá, tổng hợp thông tin liên quan đến mọi lĩnh vực chức năng của tổ chức để nhận diện giải quyết vấn đề. PLO 4: Hoạch định, ra quyết định thực hiện và kiểm soát mọi kế hoạch chức năng (sản xuất, tài chính, nhân sự, marketing...). PLO 5: Linh hoạt, có khả năng học hỏi và thích nghi với sự thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu. PLO 6: Có năng lực trở thành công dân toàn cầu: Người học có năng lực tích hợp các vấn đề kinh tế, xã hội môi trường của cộng đồng vào các quyết định của các tổ chức.		SO2: Phân tích được kiến thức quản trị nâng cao về điều hành, tài chính, nhân lực, marketing SO3: Đánh giá được các vấn đề còn tồn tại, nhận thức cơ hội kinh doanh trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế. SO4: Vận dụng kỹ năng phân biện, kỹ năng nghiên cứu, đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả quản trị. SO5: Lãnh đạo người khác thực hiện nhiệm vụ và quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh SO6: Vận dụng ngoại ngữ, ứng dụng tin học để giải quyết các vấn đề trong kinh doanh và quản trị.

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế quốc dân)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế (Boston University)	CTĐT hiện hành của đơn vị
	PLO 1.4. Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về tổ chức thực hiện chiến lược, chuỗi cung ứng, hoạt động hậu cần, chất lượng, văn hóa của doanh nghiệp cũng như các kỹ năng tái lập, điều hành doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; phát triển tư duy, ứng dụng các kiến thức về công cụ và phương pháp quản trị doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và trong môi trường hội nhập quốc tế. Kỹ năng: PLO 2.1. Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả, thích ứng tốt với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.			SO7: Ứng xử có trách nhiệm trong công việc, bản lĩnh, linh hoạt, sáng tạo, tôn trọng luật pháp. SO8: Chủ động phát triển năng lực cá nhân, có năng lực dẫn dắt và tự chịu trách nhiệm chuyên môn trong lĩnh vực QTKD.

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế quốc dân)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế (Boston University)	CTĐT hiện hành của đơn vị
	PLO 2.2. Có kỹ năng nghiên cứu, nhận dạng vấn đề; tìm kiếm, thu thập, tổng hợp, phân loại và phân tích thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề về quản trị doanh nghiệp một cách khoa học, hiệu quả. PLO 2.3. Có kỹ năng tổ chức, trao đổi, thảo luận, hướng dẫn, quản trị và quản lý các hoạt động quản trị doanh nghiệp PLO 2.4. Có kỹ năng ứng dụng công nghệ một cách linh hoạt, sáng tạo trong các hoạt động quản trị nói chung, cụ thể trong các hoạt động quản trị doanh nghiệp. Hình thành và sử dụng thành thạo các kỹ năng của nhà lãnh đạo/quản lý tổ			

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế quốc dân)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế (Boston University)	CTĐT hiện hành của đơn vị
	chức/doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp. PLO 2.5. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm PLO 3.1: Có tư duy tổng hợp, có năng lực nghiên cứu, tích lũy và rút kinh nghiệm, đưa ra các giải pháp giải quyết vấn đề; quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động quản trị doanh nghiệp. PLO 3.2: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi và có năng lực			

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế quốc dân)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế (Boston University)	CTĐT hiện hành của đơn vị
	thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN 4.0.			
2. Thời gian đào tạo	20 tháng	2,0 năm	2 năm	1,5 năm
3. Khối lượng tín chỉ toàn khoá	61 tín chỉ	60 tín chỉ	64 tín chỉ	60 tín chỉ
4. Cấu trúc CTĐT				
- <i>Khối kiến thức chung</i>	13 tín chỉ		- Đạo đức kinh doanh (1,5) - Quản lý tổ chức và con người (3) - Báo cáo và phân tích tài chính (3) - Tổ chức, thị trường và xã hội (3)	6 tín chỉ - Triết học (3) - Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao (3)
Các học phần bắt buộc	7 tín chỉ - Triết học (4) - Phương pháp nghiên cứu (3)	- Triết học (3)		

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế quốc dân)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế (Boston University)	CTĐT hiện hành của đơn vị
Các học phần tự chọn	Chọn 2 trong số 8 học phần (6 tín chỉ) - Kinh tế vi mô nâng cao (3) - Kinh tế vĩ mô nâng cao (3) - Quản trị học nâng cao (3) - Thống kê ứng dụng (3) - Kinh tế lượng ứng dụng (3) - Tiếng anh Kinh tế - Kinh doanh (3)	Học phần bắt buộc: - Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh (3) - Quản trị tài chính (3) - Quản trị nguồn nhân lực (3) - Quản trị chiến lược (3) - Quản trị marketing (3) - Quản trị chuỗi cung ứng (3) - Lãnh đạo và đạo đức kinh doanh (3) - Quản trị chất lượng (3) - Quản trị sản xuất (3)	- Quản lý tiếp thị (3) - Phân tích KD; phân tích dữ liệu và rủi ro (3) - Tài chính 1 (1,5) - Tài chính 2 (1,5) - Cạnh tranh, đổi mới và chiến lược (3) - Gia tăng giá trị thông qua hợp tác và công nghệ (3) - Hòa nhập toàn cầu (3) - HP bổ trợ tự do (3) - Truyền thông lãnh đạo (1,5) - Huấn luyện đội (0,5) - Quản lý nghề nghiệp (3)	
- <i>Khối kiến thức cơ sở ngành</i>	12 tín chỉ	Học phần tự chọn (chọn 15 TC trong số các HP sau) - Quản trị dự án (3) - Kế toán quản trị (3) - Quản trị thành tích (3) - Quản trị thương hiệu (3) - Quản trị kinh doanh quốc tế (3)	15 tín chỉ	
- Các học phần bắt buộc	6 tín chỉ	- Lý thuyết về tổ chức (3) - Quản trị kinh doanh đương đại (3)	6 tín chỉ	- Lý thuyết quản trị kinh doanh đương đại (3)

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế quốc dân)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế (Boston University)	CTĐT hiện hành của đơn vị
		- Tinh thần doanh nhân (3) - Chuyển đổi số (3) - Phân tích dữ liệu trong kinh doanh (3) - Quyết định quản trị (3) - Hành vi tổ chức (3)		- Kinh tế học cho nhà quản lý (3)
- Các học phần tự chọn	Chọn 2 học phần trong 2 nhóm: 6 tín chỉ Nhóm 1: Công cụ nghiên cứu kinh doanh (chọn 1 học phần) - Phương pháp nghiên cứu định tính (3) - Phương pháp nghiên cứu định lượng (3) - Nghiên cứu kinh doanh (3) - Nghiên cứu marketing (3) Nhóm 2: Nghiên cứu chuyên sâu (chọn 1 học phần) - Tinh thần nghiệp chủ (3) - Quản trị đổi mới và sáng tạo (3)			Chọn tối thiểu 9 tín chỉ - Pháp luật trong kinh doanh (3) - Phát triển cơ hội kinh doanh (3) - Thị trường tài chính và định chế tài chính (3) - Tinh thần doanh nhân (3) - Quản lý thông tin và tri thức (3) - Văn hóa và đạo đức quản lý (3)
- Khối kiến thức	12 tín chỉ			21 tín chỉ

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế quốc dân)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế (Boston University)	CTĐT hiện hành của đơn vị
<i>chuyên ngành</i>				
- Các học phần bắt buộc	6 tín chỉ: - Các trường phái nghiên cứu quản trị chiến lược (3) - Lý thuyết quản trị chuỗi cung ứng (3)			12 tín chỉ - Quản trị nhân lực nâng cao (3) - Marketing cho nhà quản lý (3) - Tài chính cho nhà quản lý (3) - Quản trị vận hành (3)
- Các học phần tự chọn	Chọn 2 trong số 6 học phần (6 tín) - Lý thuyết quản trị công ty (3) - Quản trị liên kết trong chuỗi cung ứng (3) - Lý thuyết quản trị chất lượng dịch vụ (3) - Các trường phái lãnh đạo (3)			Tự chọn 1 (chọn tối thiểu 2 tín chỉ) - Kinh doanh số (2) - Quản lý rủi ro và khủng hoảng (2) - Phân tích dữ liệu cho nhà quản lý (2) Tự chọn 2 (Chọn tối thiểu 5 tín chỉ) - Chiến lược kinh doanh quốc tế (2)

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế quốc dân)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế (Boston University)	CTĐT hiện hành của đơn vị
	- Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (3) - Lý thuyết quản trị năng suất năng cao (3)			- Chiến lược đổi mới và công nghệ (2) - Quản lý dự án nâng cao (3) - Quản trị thương hiệu (3) - Xây dựng và quản trị chiến lược (3) Tự chọn 3 (chọn tối thiểu 2 tín chỉ) - Kỹ năng lãnh đạo và đổi mới (2) - Kỹ năng lập kế hoạch và thực thi chiến lược dựa trên hiệu suất (2) - Kỹ năng giải quyết khủng hoảng
5. Đề án tốt nghiệp	Chuyên đề nghiên cứu 1 (4) Chuyên đề nghiên cứu 2 (8) Luận văn tốt nghiệp (12)	Thực tập (6) Đề án tốt nghiệp (9)		Thực tập (9 tín chỉ) Đề án tốt nghiệp (9 tín chỉ)

Một số nhận xét:

CTĐT QTKD trình độ Thạc sĩ của trường ĐHCN HN được xây dựng theo định hướng ứng dụng, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường, phù hợp với khung năng lực quốc gia. Đối sánh với các CTĐT Thạc sĩ định hướng ứng dụng của các trường trong nước (Trường ĐH Kinh tế quốc dân; trường ĐH Kinh tế-ĐH Đà Nẵng) và ngoài nước (ĐH Boston, Mỹ) cho thấy về mục tiêu chung của CTĐT tương đồng với mục tiêu chung của các CTĐT trong nước, bên cạnh đó CTĐT cũng hướng tới các mục tiêu phù hợp với bối cảnh hội nhập nền kinh tế. Về chuẩn đầu ra, CTĐT đánh giá người học theo 3 nhóm CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm tương đồng với CĐR của các CTĐT trong nước. Khung CTĐT có số tín chỉ phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các học phần mới được cập nhật vào CTĐT của nhà trường là phù hợp với xu hướng và bối cảnh phát triển KT-XH hiện nay.

Khi đối sánh với CTĐT QTKD trình độ Thạc sĩ với ĐH Boston, kết quả cho thấy CTĐT có sự tương đồng cao, đạt trên 70%. Trong đó, các học phần có khác biệt với các chương trình còn lại bao gồm: Triết học Mác – Lê nin; Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao; Kinh tế học cho nhà quản lý; Quản trị đổi mới sáng tạo; Quản lý dự án nâng cao; Pháp luật trong kinh doanh; Văn hóa và đạo đức quản lý. Đây cũng là những học phần mang tính liên thông giữa các ngành gần trong đào tạo Thạc sĩ của trường Kinh tế - trường ĐH Công nghiệp Hà Nội được cập nhật mới vào chương trình nhằm đảm bảo tính tương thích hơn với yêu cầu của bối cảnh mới.

Thực hiện đối sánh về nội dung các học phần cho thấy hầu hết các học phần được thiết kế trong chương trình có nội dung gần hoặc tương thích với CTĐT cùng ngành của các trường ĐH trong nước và ngoài nước. Về thời gian đào tạo và số tín chỉ, hiện tại thời gian đào tạo được thiết kế trong CTĐT là phù hợp với quy định của Bộ giáo dục và đào tạo, đồng thời tương đồng với các CTĐT trong nước. Tuy nhiên, đối sánh với các CTĐT nước ngoài thì thời gian đào tạo và số tín chỉ hiện đang cao hơn. Về tổng thể, Các học phần được thiết kế mới cho CTĐT Thạc sĩ đảm bảo tính hội nhập xu hướng quốc tế cũng như phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường Kinh tế, trường Đại học công nghiệp Hà nội.

11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả CTĐT QTKD trình độ Thạc sĩ đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày tháng năm

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KINH TẾ**



Nguyễn Thị Hồng Ngọc

PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Các văn bản pháp lý

- Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của BGD&ĐT 2016;

- Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13;

- Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Căn cứ Quyết định 41/QĐ-ĐHCN ngày 06/01/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Căn cứ Quy định kèm theo Quyết định số 1224/QĐ-ĐHCN ngày 31/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

II. Khung chương trình các trường đại học khác:

Khung chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh được tham khảo từ Trường Đại học Kinh tế - ĐH Đà Nẵng, ĐH Kinh tế quốc dân, ĐH Boston, theo các đường link dưới đây.

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ QTKD của trường ĐH Kinh tế quốc dân:

<https://sdh.neu.edu.vn/storage/files/Khung%20CTDT%20thac%20si%202022.pdf>, ban hành tháng 10 năm 2022.

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ QTKD của trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng:

<https://due.udn.vn/vi-vn/khoa/quan-tri-kinh-doanh/gioi-thieu/cid/1837>, ban hành tháng 10 năm 2022.

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ QTKD của trường Boston University:

[https://www.bu.edu/questrom/wp-content/uploads/sites/2/2024/06/24089-](https://www.bu.edu/questrom/wp-content/uploads/sites/2/2024/06/24089-MBACurriculumMap-Updates-001-003-1024x840-1.png)

[MBACurriculumMap-Updates-001-003-1024x840-1.png](https://www.bu.edu/questrom/wp-content/uploads/sites/2/2024/06/24089-MBACurriculumMap-Updates-001-003-1024x840-1.png)